

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PǺH
TỈNH GIA LAI**

-----&-----

Bản án số: 13/2018/DS-ST

Ngày: 27/11/2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
kiện đòi tiền*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----&-----

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PǺH - TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hòa
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trịnh Văn Nguyên.
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.
- *Thư ký phiên tòa:* bà Huỳnh Nữ Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư PǺh, Gia Lai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư PǺh, Gia Lai tham gia phiên tòa:* bà Tô Hải Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại Toà án nhân dân huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2018/TLST - DS, ngày 10/5/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự kiện đòi tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST - DS, ngày 06 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1960.

Địa chỉ: thôn TL, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn 4, xã HP, huyện C, tỉnh Gia Lai (vắng mặt)

3. *Người làm chứng:* bà Lý Thị H, sinh năm 1980

Địa chỉ: thôn TL, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2018, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Huỳnh Thị M trình bày:

Do quen biết, nên từ năm 2012 bà Huỳnh Thị M có cho bà Nguyễn Thị Th mượn tiền nhiều lần, có lần 8.000.000đ, có lần 13.000.000đ, có lần 14.000.000đ, vì thời gian quá lâu nên bà không nhớ cụ thể, nhưng mỗi lần vay tiền bà Th đều có viết giấy vay. Đến ngày 14/10/2012 (âm lịch), bà Th lại lên nhà bà mượn thêm tiền, cụ thể số tiền bao nhiêu bà không nhớ, khi đó bà đã cộng cả nợ cũ và nợ mới tổng cộng là

78.000.000đ, bà đã yêu cầu bà Th viết lại giấy nợ mới, về lãi suất trong giấy nợ ghi trả lãi là 3.000.000đ nhưng thực tế hai bên thỏa thuận bằng miệng hàng tháng bà Th sẽ trả 3.000.000đ, trong đó 2.000.000đ tiền gốc và 1.000.000đ tiền lãi, còn thời hạn trả hai bên cũng thỏa thuận bằng miệng đến tháng 12/2015 (âm lịch) sẽ trả hết. Từ lúc mượn tiền đến nay bà Th chỉ trả tiền lãi, tổng cộng là 24.500.000đ còn tiền gốc bà Th khát nợ hết lần này đến lần khác nhưng vẫn không trả cho bà. Vì vậy, bà M khởi kiện buộc bà Th phải trả cho bà số tiền gốc đã vay là 78.000.000đ, bà không yêu cầu tính lãi của số tiền trên.

Ngoài ra, bà M không có yêu cầu gì thêm.

- *Tại bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ, bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:* Năm 2011, bà có nhờ bà Lý Thị H ở Thôn 4, xã HP, huyện C, tỉnh Gia Lai vay giùm của bà Mai số tiền 40.000.000đ, việc vay mượn này bà H tự thỏa thuận với bà M, bà không viết giấy tờ gì, 10 ngày bà trả lãi với số tiền 1.200.000đ, còn tiền gốc không có ngày hẹn. Bà đóng được khoảng 7 tháng thì không đóng nổi nữa. Khi tiền lãi và tiền gốc lên đến khoảng 80.000.000đ bà đã cần đất cho bà M nhưng bà M không đồng ý, vì vậy bà cần đất cho bà H với giá 70.000.000đ, bà H có trách nhiệm trả tiền cho bà M 70.000.000đ gồm 40.000.000đ tiền gốc và 30.000.000đ tiền lãi, bà chỉ còn nợ bà M hơn 10.000.000đ tiền lãi (việc trả nợ này bà Th cũng thỏa thuận miệng với bà H, không viết giấy tờ gì). Sau đó bà có cất cả phê cho bà M để trừ nợ (cụ thể bao nhiêu bà không nhớ), sau đó do không có tiền để lo cho con bà nói bà M cho bà chơi 1 chân hụi, nhưng bà M nói phải trừ tiền trả nợ cho bà nên ngày 14/10/2012 (âm lịch) bà M nói bà viết giấy vay nợ bà M số tiền 78.000.000đ, thỏa thuận hàng tháng trả lãi là 3.000.000đ, thực tế bà chỉ cầm mười mấy triệu tiền hụi (bà không nhớ cụ thể số tiền). Sau đó, khi có tiền thì bà trả cho bà M đến khoảng 6 tháng nay thì bà không trả nữa, số tiền bà trả cho bà M khoảng hơn 30.000.000đ, khi trả bà không có viết giấy tờ gì. Nay bà M khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền là 78.000.000đ, thì bà không đồng ý, vì bà đã trả cho bà M 38.000.000đ, chỉ còn nợ lại 40.000.000đ, hiện nay vì hoàn cảnh khó khăn nên số tiền này qua năm 2019 bà sẽ trả dần cho bà M mỗi tháng 500.000đ cho đến hết.

Ngoài ra, bà Th không có yêu cầu gì thêm.

- *Tại bản tự khai ngày 20/9/2018, người làm chứng bà Lý Thị H trình bày:* Năm 2010, bà Th cần tiền nên có nhờ bà vay tiền bà M, nhưng bà M nói bà M không quen biết bà Th nên bà là người đã đứng ra vay tiền của bà M số tiền 40.000.000đ với lãi suất thỏa thuận là 3.600.000đ/tháng. Việc thỏa thuận này không có liên quan tới bà Th. Sau khi mượn tiền của bà M, bà đem về cho bà Th mượn, không có viết giấy tờ gì. Khoảng 10 ngày sau, bà Th mang 1.200.000đ tiền lãi qua cho bà, số tiền này bà đã đưa lại cho bà M, bà Th đóng được mấy tháng thì không đóng nổi nữa. Khi số tiền gốc và lãi lên tới 80.000.000đ, bà Th đưa cho bà 03 tấn cà phê để bà cất cho bà M với số tiền là 13.500.000đ. Khi không còn tiền để trả nợ, bà Th nói cần đất cho bà M, nhưng bà M không chịu nên bà Th đã cần đất cho bà với số tiền 70.000.000đ, bà lấy đất và có trách nhiệm trả nợ cho bà M. Như vậy, số tiền ban đầu bà mượn của bà M là 40.000.000đ, dùng cho bà Th mượn. Sau này bà Th cất 03 tấn cà phê và để lại đất cho

bà thì bà Th đã trả đủ số tiền gốc và tiền lãi đã nhờ bà mượn giùm lúc đầu. Còn sau này bà Th có vay mượn tiền của bà M bao nhiêu, như thế nào bà không biết.

Ngoài ra, bà H không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhận dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn, người làm chứng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 466 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 78.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người làm chứng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Bà Huỳnh Thị M có cho bà Nguyễn Thị Th vay số tiền 78.000.000đ thể hiện tại giấy vay tiền đề ngày 14/10/2012 (âm lịch) như bà M cung cấp. Tại giấy vay tiền đề ngày 14/10/2012 (âm lịch) thể hiện hàng tháng bà Th trả lãi là 3.000.000đ, còn thời hạn trả thì không ghi, quá trình giải quyết vụ án bà M và bà Th thừa nhận, hàng tháng bà Th trả tiền gốc và tiền lãi cho đến khi trả xong, nên HĐXX xác định đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn và có lãi. Ngày 10/3/2018 bà M có gửi thông báo đòi nợ cho bà Th hẹn đến ngày 10/4/2018 bà Th phải trả số tiền 78.000.000đ cho bà M, đến thời hạn bà Th không trả nợ, nên bà M khởi kiện là có căn cứ.

Xét, giao dịch vay tiền giữa bà M và bà Th được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật dân sự nên có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án bà Th thừa nhận có viết giấy vay tiền của bà M với số tiền 78.000.000đ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xác định việc bà M có cho bà Th vay số tiền 78.000.000đ là đúng sự thật.

Tuy nhiên, trong số tiền 78.000.000đ bà M cho bà Th vay hai bên không thống nhất về số tiền bà Th đã trả cho bà M: Bà M cho rằng trong giấy tờ ghi trả lãi là 3.000.000đ nhưng thực tế hai bên thỏa thuận bằng miệng, hàng tháng bà Th sẽ trả 3.000.000đ, trong đó 2.000.000đ tiền gốc và 1.000.000đ tiền lãi cho đến khi hết nợ. Nhưng sau đó mỗi tháng bà Th chỉ trả cho bà tiền lãi (có tháng trả 300.000đ, có tháng trả 500.000đ, có tháng trả 700.000đ) chứ không trả gốc, bà Th trả tiền lãi đến tháng 6/2014 (ÂL) thì không trả nữa, bà đã nhiều lần đến nhà bà Th hỏi thì bà Th hẹn đến

tháng 12/2015 (ÂL) bà Th sẽ trả hết số tiền trên cho bà, việc trả nợ này hai bên không viết giấy tờ gì. Còn bà Th cho rằng số tiền 78.000.000đ này gồm tiền nợ hui, nợ lãi, còn tiền gốc khoảng hơn mười mấy triệu đồng (bà không nhớ cụ thể), số tiền này bà đã trả cho bà M nhiều lần, tổng cộng được 38.000.000đ tiền gốc, khi trả hai bên chỉ đưa tay, cũng không viết giấy tờ gì, hiện nay bà chỉ còn nợ bà M 40.000.000đ, do đó bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà M.

Xét thấy, lời trình bày của bà Th không được bà M chấp nhận, bà Th cho rằng đây là tiền nợ hui, nợ lãi, còn tiền gốc khoảng mười mấy triệu, số tiền này bà đã trả cho bà M được 38.000.000đ tiền gốc, nhưng bà Th không có căn cứ gì để chứng minh việc bà đã trả nợ cho bà M, vì khi bà trả nợ cho bà M hai bên không có viết giấy tờ gì mà chỉ đưa tay, không có ai làm chứng. Do đó, việc bà trả nợ cho bà M không có căn cứ chấp nhận. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, buộc bà Th phải trả cho bà M số tiền nợ gốc là 78.000.000đ.

Về tiền lãi suất: nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà M được chấp nhận nên bà Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 463; 466; khoản 2 Điều 469; Điều 688 của Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M. Buộc bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị M số tiền là: 78.000.000đ (*bảy mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc Nguyễn Thị Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 3.900.000đ (*ba triệu chín trăm nghìn đồng*). Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.950.000 (*một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số: 0002463, ngày 09/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h.Chư Păh;
- THADS h.Chư Păh;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Hòa

